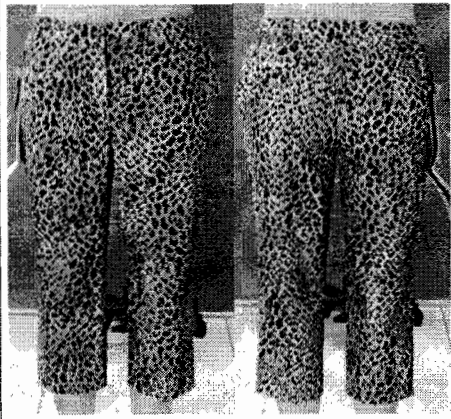
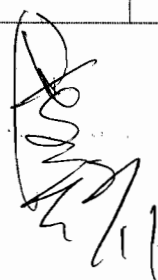


福星制衣越南廠 制衣工程 IE 出數核定流程表

1. 由越南廠的 IE 人員，依據上線款式，製作工程表及時間初估表。
2. 經越南廠生產部會商研究後，由生產主管提出效率建議與工程改善說明。並簽字
3. 經越南廠總經理核實後，將文件呈送臺北公司做最後核可。
4. 依臺北公司核可之 IE 數據後，作為越南廠的效率評估與績效獎金標準。

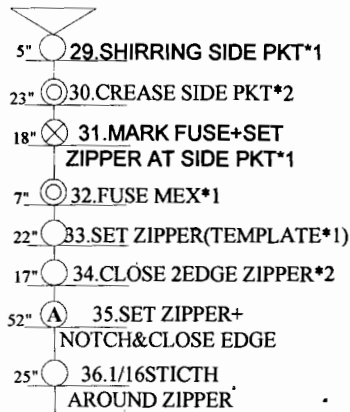
款式: G15-037P	款式說明 LADIE PANTS 订单 4311 件	制表人: HUONG	日期: 2015/02/11	文件編號:
參考雷同款:			照片	
生產車縫時間:2143	特車組時間: 147	總時間: 2290		
生產出數: 13.44	特車組出數:195.92	IE 總出數: 12.6		

PPIC 主管:

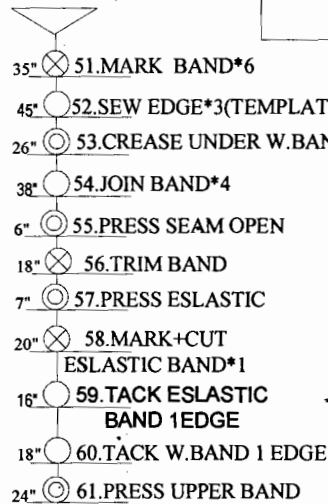


FLOW CHART OF G15-037P

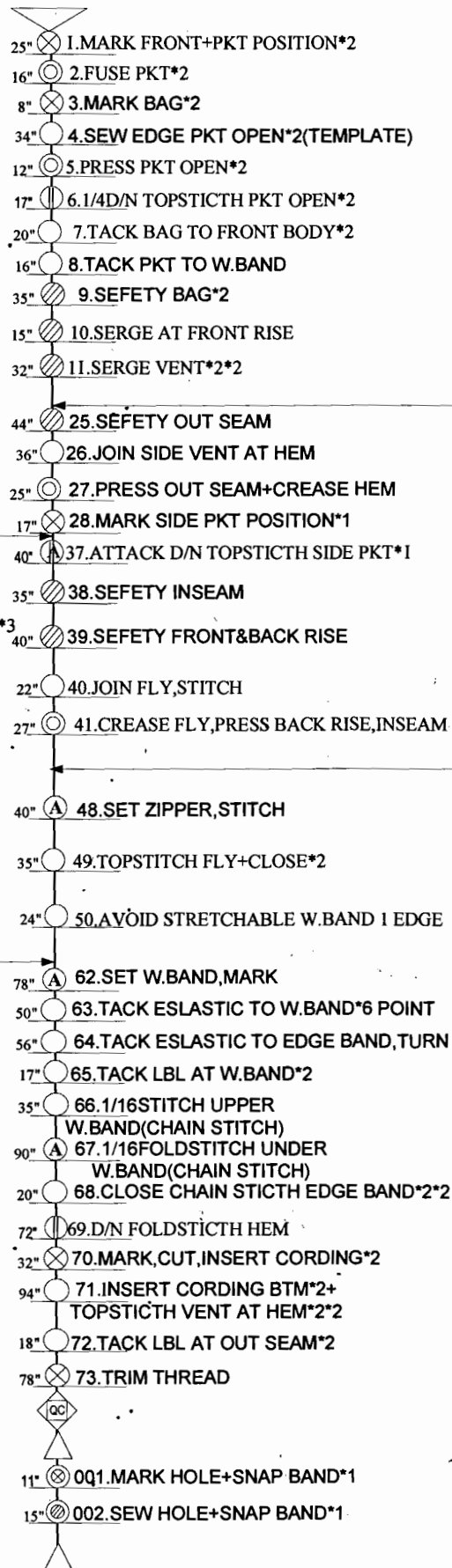
SIDE PKT*1



W.BAND*6



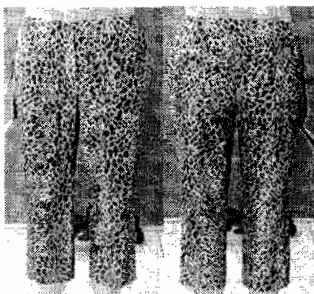
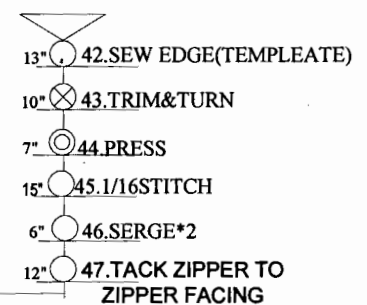
FRONT



BACK BODY*2



ZIPPER FACING*3



POSITION TIME TABLE

POSITION	GENERAL	SPECIAL
SINGLE	1087	
CHAIN STITCH	125	
DOUBLE	129	
SPECIAL	263	69
PRESS	218	
HAND	321	78
AMOUNT	2143	147
OUTPUT PCS	13.44	195.92
TOTAL TIME	2290	TOTAL OUTPUT 12.6

SEWING OPERATION LIST

STYLE NO: G15-037P

DATE: 2015/02/11

TAIPEI IE OUTPUT:

VN IE OUTPUT: 13.44

NO Mã công	Operation Tên công đoạn		Grade Cấp	合縫記 號	使用機器	time Thời gian	price Đơn giá	out put Sản lượng	使用配件 及其他
01	Mark front+pkt position*2	SD TT+vị trí túi*2	C		HAND	25	185.5	1152	
02	Fuse pkt*2	Là mex vào vị trí túi trước*2	B		PRESS	16	127.5	1800	
03	Mark bag*2	SD lót túi*2	C		HAND	8	59.4	3600	
04	Sew edge pkt open*2(template)	Quay miệng túi*2(theo mẫu)	B		SINGLE	34	271.0	847	
05	Press pkt open*2	Là miệng túi	B		PRESS	12	95.6	2400	
06	1/4D/N Topstitch pkt open*2	Điều miệng túi 2kim 1/4	B		DOUBLE	17	135.5	1694	
07	Tack bag to front body*2	Ghim miệng túi trên,dưới	B		SINGLE	20	159.4	1440	
08	Tack pkt to w.band	Ghim túi trên cạp	B		SINGLE	16	127.5	1800	
09	Join bag*2(sefety)	VS 5C lót túi*2	B		SW	35	279.0	823	
10	Serge at front rise	VS 3C đứng trước	B		SW	15	119.6	1920	
11	Serge vent*2*2	VS 3C đoạn sê quần*2*2	B		SW	32	255.0	900	
12	Safety out seam	VS 5C dọc quần	B		SW	44	350.7	655	
13	Join side vent at hem	Cán sê quần đoạn dưới	B		SINGLE	36	286.9	800	
14	Press out seam+crease hem	Là dọc quần+là gấp gấu	B		PRESS	25	199.3	1152	
15	Mark side pkt position*1	SD vị trí dán túi gối*1	C		HAND	17	126.1	1694	
16	Attack D/N Topstitch side pkt*1	Dán túi gối 2kim 1/4	A		DOUBLE	40	334.8	720	
17	Safety inseam	VS 5C dăng quần	B		SW	35	279.0	823	
18	Safety front& back rise	VS 5C đứng TT+TS	B		SW	40	318.8	720	
19	Join fly,stretch	Cán chấp moi+mi	B		SINGLE	22	175.3	1309	
20	Press fly+press forward in seam,ba	Là moi+là lật giàng quần+đứng TT+TS	B		PRESS	27	215.2	1067	
21	Set zipper,stretch	Tra khóa,mi+ghim đ ững TT	A		SINGLE	40	334.8	720	
22	Topstitch fly+close*2	Điều moi khóa 1kim+chặn moi*2	B		SINGLE	35	279.0	823	
23	Avoid stretchable w.band 1 edge	Ghim chống bai cạp 1 đường	B		SINGLE	24	191.3	1200	
24	Set w.band,mark	Tra cạp,sđ	A		SINGLE	78	652.9	369	
25	Tack elastic to w.band*6 point	Ghim chun 6 điểm vào cạp	B		SINGLE	50	398.5	576	
26	Tack elastic to edge band,tum	Chặn chun 2 điểm vào đầu cạp,lộn	B		SINGLE	56	446.3	514	
27	Tack lbl at w.band*2	Ghim mào cạp*2	B		SINGLE	17	135.5	1694	
28	1/16stitch upper w.band(chain stitch)	Mí sống cạp 1/16(chỉ tết)	B		CHAIN STITCH	35	279.0	823	
29	Fold stitch under w.band(chain stitch)	Gấp mí chân cạp(chỉ tết)	A		CHAIN STITCH	90	753.3	320	
30	Close chain stitch edge band*2*2	Chặn lại mí chỉ tết đầu cạp*2*2	B		SINGLE	20	159.4	1440	
31	D/N Foldstitch hem	Gấp điều gấu (kán sai)	B		DOUBLE	72	573.8	400	
32	Mark,cut+insert cording	SD,cắt,luồn dây vào mắt gà	C		HAND	32	237.4	900	
33	Insert cording btm*2+topstitch vent	Luồn dây gấu,chặn+điều sê dọc quần*2*2	B		SINGLE	94	749.2	306	
34	Tack lbl at w.band*2	Ghim mào sườn*2	B		SINGLE	18	143.5	1600	
XZ	Trim thread	Cắt chỉ	C		HAND	78	578.8	369	
001	Mark hole+snap band*1	SD dập cục cạp+thừa khuyết	C		HANDSCL	11	81.6	2618	
002	Sew hole+Snap band*1	Thừa khuyết+dập cục	B		SPECIAL	15	119.6	1920	
	Side pkt*1	Túi gối*1							
A01	Shirring side pkt*1	Máy chun dít túi	B		SINGLE	5	39.9	5760	
A02	Cresae side pkt*2	Là gấp xung quanh túi gối*(theo mẫu)	B		PRESS	23	183.3	1252	
A03	Mark fuse+set zipper at side pkt*1	SD khóa gối(sđ dán mex+vị trí bố khóa)	C		HAND	18	133.6	1600	
A04	Fuse mex*1	Là mex vào vị trí khóa gối*2	B		PRESS	7	55.8	4114	
A05	Set zipper(template*1)	Bố khóa gối bằng bia mẫu*2	B		SINGLE	22	175.3	1309	
A06	Close 2edge zipper*2	Chặn 2 đầu khóa*2	B		SINGLE	17	135.5	1694	
A07	Set zipper+notch& close edge	Tra khóa+bấm bỏ 2 đầu,chặn	A		SINGLE	52	435.2	554	
A08	1/16stitch zipper	Mí 1/16 xung quanh khóa gối	B		SINGLE	25	199.3	1152	
	Zipper facing*3	Đáp khóa*3							
B01	Sew edge*1	Cán chấp đáp khóa bia mẫu	B		SINGLE	13	103.6	2215	
B02	Trim&tum	Gọt,lộn đáp khóa	C		HAND	10	74.2	2880	
B03	Press	Là đáp khóa	B		PRESS	7	55.8	4114	
B04	1/16stitch	Mí đáp khóa	B		SINGLE	15	119.6	1920	
B05	Serge*2	VS 3C đáp khóa*2	B		SW	8	47.8	4800	
B06	Tack zipper to zipper facing	Ghim khóa yào đáp khóa+ghim vs chỉ	B		SINGLE	12	95.6	2400	
	Back body*2	Thân sau*2							
C01	Mark pleat*2*2+ pkt position*2	SD ts+ly*2*2+ vị trí bố túi sau*2	C		HAND	35	259.7	823	
C02	Close pleat*2*2	Máy ly TS*2*2	B		SINGLE	48	382.6	600	
C03	Press pleat+Fuse pkt*2	Là ly+là mex vào vị trí bố túi*2	B		PRESS	22	175.3	1309	
C04	Set besom*2(mach)	Bố túi bằng máy*2(ghim c oir+lót)	B		SPECIAL	54	430.4	533	
C05	Set besom*2(hand)	Bố túi bằng tay*2	C		HAND	25	185.5	1152	
C06	Close 2edge*2	Chặn 2 đầu cạp túi*2	B		SINGLE	36	286.9	800	

FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD

SEWING OPERATION LIST

STYLE NO: G15-037P

DATE: 2015/02/11

TAIPEI IE OUTPUT:

VN IE OUTPUT: 13.44

# of NO Mã Công	Operation Tên công đoạn		Grade Cấp	合縫記 號	使用機器	time Thời gian	price Đơn giá	out put Sản lượng	使用配件 及其他
C07	Serge besom open*2	VS 3C miệng coi túi*2	B		SW	18	143.5	1600	
C08	Press pkt open*2	Là miệng coi túi*2	B		PRESS	16	127.5	1800	
C09	Tack bag to w.band	Ghim lót túi trên cạp,sd	B		SINGLE	17	135.5	1694	
C10	Stitch at pkt lip 3 under	Mí 3 cạnh coi túi	B		SINGLE	36	286.9	800	
C11	Tack pkt open*2	Ghim miệng túi*2	B		SINGLE	16	127.5	1800	
C12	Safety bag*2	VS 5C lót túi*2	B		SW	38	302.9	758	
C13	Tack "sw" *2*2	Ghim vắt sổ chỉ túi sau*2*2	B		SINGLE	34	271.0	847	
	W.band*6	Cạp*6							
D01	Mark band*6	SD cạp*6	C		HAND	35	259.7	823	
D02	Sew edge*3(template)	Cán chập sống cạp*3(theo mẫu)	B		SINGLE	45	358.7	640	
D03	Cresae under w.band*3	Là gập chân cạp*3	B		PRESS	26	207.2	1108	
D04	Join band*4	Cán cạp+cán sống cạp 1 đoạn	B		SINGLE	38	302.9	758	
D05	Press seam open	Là rẽ đường cán cạp	B		PRESS	6	47.8	4800	
D06	Trim band	Chém bản cạp	C		HAND	18	133.6	1600	
D07	Press elastic	Là chun cạp(theo bản cạp cong)	B		PRESS	7	55.8	4114	
D08	Mark+cut elastic band*1	SD+cắt chun cạp*1(theo bản cạp)	C		HAND	20	148.4	1440	
D09	Tack elastic band 1 edge	Ghim chun cạp 1 đường	B		SINGLE	16	127.5	1800	
D10	Tack w.band 1 edge	Ghim cạp 1 đường	B		SINGLE	18	143.5	1600	
D11	Press upper w.band	Là sống cạp	B		PRESS	24	191.3	1200	
TOTAL						2161	17161	13.3	



Position	GENE RAL	SPECIAL			
Single	1087				
Chain stitch	125				
Special	263	69			
Double	129				
Press	218				
Hand	321	78			
Amount	2143	147			
Output (pcs)	13.44	195.92			
Total time	2290		Total out put		12.6

製表人: HUONG